

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2025/DS-PT
Ngày: 17-01-2025
V/v tranh chấp yêu cầu
bồi thường thiệt hại
ngoài hợp đồng về
danh dự, nhân phẩm, uy tín

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Dũng;

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Duyên Hằng;

Bà Trần Thị Thanh Trúc.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Ngọc Hoàng Quân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Nữ - Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 435/2024/TLPT-DS ngày 15/10/2024 về việc “Tranh chấp yêu cầu bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng về danh dự, nhân phẩm, uy tín”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 72/2024/DS-ST ngày 28 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 471/2024/QĐ-PT ngày 18 tháng 11 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông K, C-L, sinh năm 1977, quốc tịch: Trung Quốc (Đài Loan); địa chỉ thường trú: số A, đường Y, G, thành phố C, Đài Loan; chỗ ở hiện nay: Công ty TNHH N; địa chỉ: số A, đường N, khu công nghiệp S, khu A, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương; có mặt.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: ông Nguyễn Thanh H, sinh năm 1997; địa chỉ thường trú: số C, đường T, phường T, thành phố K, tỉnh Kon Tum; địa

chỉ liên hệ: số B, đường L, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương; là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền ngày 26/02/2024); có mặt.

- *Bị đơn*: Ông C, Y-T, sinh năm 1958; quốc tịch: Trung Quốc (Đài Loan); địa chỉ thường trú: số C, đường N, khu A, phường Y, C, thành phố Y, Đài Loan; chỗ ở hiện nay: Công ty TNHH H3, lô D, đường D, khu công nghiệp N mở rộng, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Công ty TNHH N; địa chỉ: số A, đường N, khu công nghiệp S, khu A, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Người đại diện theo pháp luật: Ông K, C-L, chức vụ: Tổng giám đốc; có mặt.

- *Người kháng cáo*: Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông Nguyễn Thanh H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Trước đây, ông K, C-L và ông C, Y-T là 2 thành viên góp vốn của Công ty TNHH N chuyên sản xuất kinh doanh mút xốp. Do Công ty kinh doanh thua lỗ nên ngày 25/11/2021, ông C, Y-T đã bán lại toàn bộ 39% vốn góp cho ông K, C-L với giá thỏa thuận là 150.000 đô-la Mỹ. Ông K, C-L đã thanh toán trước cho ông C, Y-T hai lần với tổng số tiền là 50.000 đô-la Mỹ, số tiền còn lại hai bên thỏa thuận chia làm 2 đợt và thanh toán đủ cho ông C, Y-T sau 04 tháng kể từ khi hoàn tất việc đăng ký thay đổi giấy chứng nhận đầu tư và giấy phép kinh doanh. Tháng 03/2022, ông C, Y-T liên tục đòi tiền và yêu cầu ông K, C-L phải thanh toán đủ 100.000 đô-la Mỹ còn thiếu nên ông K, C-L đã dùng tiền bán nhà trước đó để thanh toán cho ông C, Y-T.

Ngày 23/3/2022, ông K, C-L gọi điện thoại hẹn ông C, Y-T ngày 24/3/2022 đến Công ty gặp ông K, C-L để nhận số tiền 100.000 đô-la M; ông C, Y-T1 đồng ý nhưng do bận công việc nên đã ký giấy ủy quyền cho con trai là ông C, F-C đến Công ty gặp ông K, C-L để nhận tiền thay cho ông C, Y-T. Đến 9 giờ ngày 24/3/2022, ông C, Y-T gọi điện thoại cho ông K, C-L qua ứng dụng WeChat, hai bên có thỏa thuận giao nhận bằng tiền Việt Nam đồng, tỷ giá quy đổi là 23.000 đồng/1 đô-la Mỹ, tổng cộng sẽ giao nhận số tiền là 2.300.000.000 đồng.

Từ khoảng 9 giờ 30 phút đến 10 giờ 00 phút ngày 24/3/2022, ông C, F-C đến Công ty và đưa giấy ủy quyền cho ông K, C-L thì cả hai nhận thấy số tiền ghi trên giấy ủy quyền chỉ là 50.000 đô-la Mỹ nên đã thống nhất cùng nhau chỉnh sửa lại cho đúng số tiền giao nhận mà ông K, C-L đã chuẩn bị sẵn. Ông C, F-C nói với ông K, C-L sẽ chịu hoàn toàn trách nhiệm khi nhận tiền và đã ký tên, lấn tay xác nhận tại chỗ chỉnh sửa số tiền trên giấy ủy quyền. Ông K, C-L đã giao cho ông C, F-C 04 cọc tiền lớn mệnh giá 500.000 đồng (tổng cộng là 2.000.000.000 đồng) và 06 xấp tiền

nhỏ cùng mệnh giá 500.000 đồng (tổng cộng là 300.000.000 đồng). Khi ông C, F-C kiểm tra và đếm tiền thì ông K, C-L yêu cầu nhân viên của Công ty soạn Phiếu thu có nội dung: “*Ông K, C-L trả cho ông C, Y-T số tiền chuyển nhượng vốn góp là 100.000 USD, sau này nếu có phát sinh thuế nộp cho nhà nước thì C, Y-T có trách nhiệm trả lại, nếu không sẽ phải bồi thường*”. Ông K, C-L và ông C, F-C đã ký tên, lãn tay xác nhận vào Phiếu thu nêu trên. Như vậy, ông K, C-L đã thanh toán đủ số tiền chuyển nhượng vốn góp là 100.000 đô-la Mỹ cho ông C, Y-T thông qua con trai của ông là C, F-C.

Tuy nhiên, một thời gian sau, ông C, Y-T gửi đơn tố giác ông K, C-L có hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản tại Công an thành phố T với nội dung: ông C, Y-T chỉ mới nhận số tiền 50.000 đô-la M nhưng ông K, C-L đã tự ý chỉnh sửa số tiền trong giấy ủy quyền là 100.000 đô-la Mỹ nhằm chiếm đoạt 50.000 đô-la Mỹ của ông C, Y-T. Sau đó, hồ sơ vụ việc được chuyển đến Công an tỉnh B để điều tra theo thẩm quyền. Ông K, C-L đã phải hợp tác làm việc với điều tra viên rất nhiều lần để cung cấp lời khai, chứng cứ liên quan đến vụ án. Ngày 13/8/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra công an tỉnh B ban hành Quyết định không khởi tố vụ án hình sự với lý do không có sự việc phạm tội quy định tại khoản 1 Điều 157 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Ông C, Y-T đã cố tình bịa đặt, đưa ra thông tin sai sự thật và tố giác ông K, C-L có hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản đã xúc phạm nghiêm trọng đến danh dự, nhân phẩm, uy tín của ông K, C-L. Từ vụ việc nêu trên đã có nhiều lời đồn không hay làm ông K, C-L bị ảnh hưởng rất nhiều đến tâm lý, sức khỏe và công việc; doanh thu của Công ty bị giảm sút.

Do vậy, ông K, C-L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Buộc ông C, Y-T phải xin lỗi, cải chính công khai về việc xúc phạm danh dự, nhân phẩm, uy tín của ông K, C-L và Công ty TNHH N.

- Buộc ông C, Y-T bồi thường thiệt hại cho ông K, C-L một khoản tiền bồi thường tổn thất về mặt tinh thần là 14.900.000 đồng (mười lần mức lương cơ sở theo quy định).

Bị đơn ông C, Y-T: đã được Tòa án cấp sơ thẩm thực hiện thủ tục cấp, tổng đạt hợp lệ lần thứ 2 để lấy lời khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, không có văn bản trình bày ý kiến là từ bỏ nghĩa vụ chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH N: đã được Tòa án cấp sơ thẩm thực hiện thủ tục cấp, tổng đạt hợp lệ lần thứ 2 để lấy lời khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, không có văn bản trình bày ý kiến là từ bỏ nghĩa vụ chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 72/2024/DS-ST ngày 28/6/2024, Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương đã quyết định:

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông K, C-L đối với ông C, Y-T về việc “tranh chấp yêu cầu bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng về danh dự, nhân phẩm, uy tín”.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Sau khi có bản án sơ thẩm, ngày 02/7/2024 người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn là ông Nguyễn Thành H kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm số 72/2024/DS-ST ngày 28/6/2024 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn và đại diện hợp pháp của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nên không thể tiến hành thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Nguyễn Văn H trình bày: Ông K, C-L là doanh nhân bình thường, khi ông và bị đơn hợp tác với nhau nên không có vấn đề gì xảy ra. Trong và sau giai đoạn dịch khi bị thua lỗ, ông C, Y-T đã đề nghị bán phần vốn của mình cho ông K, C-L. Trong lúc giao dịch, ông C, Y-T có uỷ quyền hoàn toàn cho con trai của mình là ông C, F-C để làm việc để giao nộp số tiền tại công ty. Khi làm việc thì ông K, C-L đã gọi điện trước đó cho ông C, Y-T về việc chuyển tiền của ông C, F. Khi ông C, F-C tới làm việc, các bên đã thoả thuận sửa lại số tiền chuyển nhượng trên giấy uỷ quyền từ 50.000 USD thành 100.000 USD và ông K, C-L đã đưa đủ số tiền là 2.300.000.000 đồng, tương đương 100.000 USD và có phiếu thu (tiếng T) - Việt Nam mình gọi là phiếu chi. Sau thời gian đó, ông C, Y-T không gọi và hỏi gì hết nhưng cố ý nộp đơn tố giác với cơ quan công an để tố giác ông K, C-L về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Hành vi này đã làm ảnh hưởng đến danh dự, nhân phẩm của ông K, C-L. Sự việc 100.000 USD hay 50.000 USD này là vụ việc dân sự, chưa đến mức hình sự, nhưng ông C, Y-T đã bỏ qua cá tính tiết này mà đệ đơn thẳng ra cơ quan công an để bôi nhọ danh dự, nhân phẩm của ông K, C-L.

Ông K, C-L trình bày: Ông K, C-L không có kiện ông C, F, chỉ kiện ông C, Y-T do tuổi đời ông C, F-C còn nhỏ.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm.

Về nội dung: Quá trình xét xử, ngày 02/7/2024, ông K, C-L kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm cho rằng Tòa cấp sơ thẩm đưa ra phán quyết không khách quan làm ảnh hưởng quyền và lợi ích hợp pháp của mình nhưng tại cấp phúc thẩm, ông K, C-L không cung cấp thêm chứng cứ mới làm thay đổi nội dung vụ án nên bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện là có căn cứ. Do đó, đề nghị Hội đồng xét

xử áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng của các đương sự tại phiên tòa, ý kiến đại diện Viện kiểm sát,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Kháng cáo của người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Nguyễn Văn H là trong thời hạn luật định. Do đó, Tòa án cấp phúc thẩm thụ lý giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại cấp sơ thẩm và phúc thẩm, bị đơn đã vắng mặt dù Tòa án đã thực hiện các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Ông C, Y-T tố giác ông K, C-L có hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh B. Tuy nhiên, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh B đã ban hành Quyết định không khởi tố vụ án hình sự số 73/QĐ-VPCQCSĐT ngày 23/8/2023 vì lý do không có sự việc phạm tội. Ông K, C-L cho rằng hành vi tố giác của ông C, Y-T đã xâm phạm đến danh dự, nhân phẩm, uy tín của ông K, C-L và gây thiệt hại cho ông K, C-L trong thời gian đi lại làm việc với cơ quan điều tra; gây thiệt hại cho hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty TNHH N. Vì vậy, ông K, C-L đã khởi kiện yêu cầu ông C, Y-T xin lỗi, cải chính công khai và bồi thường tổn thất tinh thần số tiền 14.900.000 đồng.

[2.2] Về giao dịch giữa các bên: Theo Hợp đồng chuyển nhượng vốn góp lập ngày 25/11/2021 thì ông K, C-L còn nợ ông C, Y-T 100.000 đô-la M là tiền chuyển nhượng vốn góp; được thanh toán thành 02 đợt: đợt 1 thanh toán 50.000 đô-la Mỹ trong vòng 05 ngày sau khi thay đổi giấy chứng nhận đầu tư và giấy phép kinh doanh; đợt 2 thanh toán 50.000 đô-la Mỹ sau 04 tháng kể từ khi hoàn tất việc thay đổi giấy chứng nhận đầu tư và giấy phép kinh doanh.

[2.3] Về hành vi tố giác tội phạm của ông C, Y-T:

[2.3.1] Theo lời khai của ông K, C-L tại Công an tỉnh B vào ngày 23/8/2023 thể hiện “Đến ngày 24/3/2022, tôi có hẹn ông C, Y-T đến Công ty N để nhận tiếp số tiền chuyển nhượng vốn góp, lúc đó thì hai bên vẫn chưa thống nhất cụ thể số tiền sẽ giao, mặc dù trước đó chúng tôi có thống nhất giao tiền 03 lần nhưng vào thời điểm giao tiền lần thứ 2 thì ông C, Y-T không đến lấy tiền nên tôi dự định khi gặp ông C, Y-T sẽ giao hết 100.000 đô-la M còn thiếu ...”. Theo Giấy ủy quyền lập ngày 24/3/2022 thể hiện ông C, Y-T chỉ ủy quyền cho ông C, F-C đến Công ty TNHH N gặp ông K, C-L để nhận số tiền 50.000 Đô la Mỹ. Tại các Biên bản lấy lời khai ngày 04/11/2022 và 22/8/2023 của ông C, F-C tại Công an tỉnh B thể hiện ông C, F-C chỉ nhận từ ông K, C-L số tiền 1.150.000.000 đồng (tương đương 50.000 đô-la Mỹ) và

đã bàn giao số tiền này cho ông C, Y-T. Do vậy, ông C, Y-T xác định ông K, C-L còn nợ ông số tiền 50.000 đô-la M là hoàn toàn phù hợp với các tài liệu, chứng cứ nêu trên.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 08/11/2022 tại Công an tỉnh B, ông K, C-L thừa nhận khi chỉnh sửa lại số tiền trong giấy ủy quyền thì ông K, C-L không hỏi ý kiến, không thông báo cho ông C, Y-T biết mà chỉ hỏi ý kiến của ông C, F-C. Như vậy, việc tố giác của C, Y-T về việc ông K, C-L có hành vi tự ý sửa số tiền trong giấy ủy quyền là đúng sự thật, phù hợp quy định về tố giác hành vi phạm tội theo khoản 1 Điều 144 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Nguyên nhân dẫn đến việc ông C, Y-T tố giác là do ông K, C-L.

[2.3.2] Tại cấp sơ thẩm và phúc thẩm, ông Nguyễn Thanh H là người đại diện theo ủy quyền của ông K, C-L cho rằng trước khi ông C, F-C đến nhận tiền thì ông K, C-L có gọi điện cho ông C, Y-T thỏa thuận giao nhận bằng tiền đồng Việt Nam với tổng số tiền là 2.300.000.000 đồng (tương đương 100.000 đô-la Mỹ) và trước khi chỉnh sửa số tiền trong giấy ủy quyền thì ông C, F-C có gọi điện thông báo cho ông C, Y-T biết. Tuy nhiên, ông H không cung cấp được chứng cứ chứng minh là nhật ký cuộc gọi hay hình ảnh camera quay lại cuộc nói chuyện giữa các bên; đồng thời lời khai của ông H hoàn toàn mâu thuẫn với chính lời khai của ông K, C-L trong quá trình điều tra (Bút lục 68, 71 và 72).

[2.3.3] Sau khi có Kết luận giám định số 958/KL-KTHS ngày 08/3/2023 của Phân viện Khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh thì mới có căn cứ xác định ông C, F-C đã ký tên, lãn tay tại số tiền 2.300.000.000 đồng trong Giấy ủy quyền ngày 24/3/2022. Đồng thời, tại Quyết định không khởi tố vụ án hình sự số 73/QĐ-VPCQCSĐT ngày 23/8/2023 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh B cũng không có nội dung nào xác định ông C, Y-T có hành vi cố ý tố giác ông K, C-L sai sự thật theo quy định tại khoản 5 Điều 144 của Bộ luật Tố tụng hình sự và tại Biên bản lấy lời khai ngày 23/8/2023, ông K, C-L đã rút lại đơn tố giác ông C, Y-T có hành vi vu khống. Như vậy, có đủ cơ sở xác định ông C, Y-T không đưa ra thông tin bịa đặt, sai sự thật nhằm tố giác, vu khống cho ông K, C-L.

[2.4] Về hậu quả của hành vi tố giác: Ông K, C-L cho rằng hành vi tố giác của ông C, Y-T đã dẫn đến nhiều lời đồn không hay về ông, làm cho bạn bè, đối tác làm ăn xa lánh; danh dự, nhân phẩm, uy tín của ông bị xâm phạm; doanh thu của công ty bị giảm sút. Tuy nhiên, ông K, C-L không cung cấp được chứng cứ chứng minh thông tin ông bị tố giác được lan truyền ra ngoài xã hội, lan truyền đến bạn bè, đối tác làm ăn của ông; các phương tiện truyền thông, báo chí cũng không có thông tin đăng tải về việc ông K, C-L bị tố giác. Do đó, có căn cứ xác định hành vi tố giác của ông C, Y-T không xâm phạm đến danh dự, nhân phẩm, uy tín của ông K, C-L và không gây thiệt hại cho ông ông K, C-L nên không phát sinh trách nhiệm bồi thường theo quy định tại các Điều 584 và 592 của Bộ luật Dân sự

[3] Từ những phân tích trên, xét thấy không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của phía nguyên đơn về việc yêu cầu Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông K, C-L. Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đánh giá toàn diện các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đảm bảo quyền và lợi ích các bên, xét xử phù hợp với quy định pháp luật. Phía nguyên đơn kháng cáo nhưng tại Tòa án cấp phúc thẩm không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào khác làm thay đổi nội dung vụ án nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của phía nguyên đơn.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Nguyên đơn ông K, C-L khởi kiện yêu cầu bồi thường về danh dự, nhân phẩm, uy tín nên được miễn án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 148; khoản 1 Điều 308, Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 584 và Điều 592 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông K, C-L.
2. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 72/2024/DS-ST ngày 28 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương.
3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông K, C-L được miễn tiền án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Chi cục THADS thành phố T;
- TAND thành phố T;
- Các đương sự;
- Tổ Hành chính tư pháp;
- Lưu: Hồ sơ, Tòa Dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Trung Dũng